

29. Xã Xuân Định

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Quốc lộ 1	Giáp ranh phường Hàng Gòn	Hết công ty Intimex	3.900	2.700	2.300
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.000	700	600
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			800	560	480
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			900	630	540
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
8	Quốc lộ 1	Hết công ty Intimex	Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m	4.400	3.100	2.600
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.000	700	600
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			800	560	480

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.500	1.100	900
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			900	630	540
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			720	500	430
15	Quốc lộ 1	Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m	Ranh xã Bảo Hòa cũ	3.900	2.700	2.300
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.700	1.200	1.000
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.000	700	600
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			800	560	480
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.500	1.100	900
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			900	630	540
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			720	500	430
22	Quốc lộ 1	Ranh xã Bảo Hòa cũ	Hết giáo xứ Xuân Bình	4.100	2.900	2.500
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.700	1.200	1.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.000	700	600
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			800	560	480
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.500	1.100	900
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			900	630	540
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			720	500	430
29	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ Xuân Bình	Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m	4.400	3.100	2.600
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.700	1.200	1.000
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.000	700	600
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			800	560	480
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.500	1.100	900
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện			900	630	540

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			720	500	430
36	Quốc lộ 1	Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m	Giáp ranh xã Xuân Phú	4.100	2.900	2.500
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.000	700	600
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			800	560	480
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			900	630	540
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			720	500	430
43	Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản	Quốc lộ 1	Đường Tổ 13	1.900	1.300	1.100
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			950	670	570
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			730	510	440

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			580	410	350
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			860	600	520
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			660	460	400
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			520	360	310
50	Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản	Đường Tổ 13	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản	1.200	840	720
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			600	440	380
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			520	360	310
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			450	320	270
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			560	400	350
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			470	330	280
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung			410	290	250

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
57	Đường Chiến Thắng đi Nam Hà	Quốc lộ 1	Suối Cạn	1.900	1.300	1.100
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			950	670	570
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			730	510	440
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			580	410	350
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			860	600	520
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			660	460	400
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			520	360	310
64	Đường Chiến Thắng đi Nam Hà	Suối Cạn	Đường tỉnh 765B	1.200	840	720
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			600	440	380
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			520	360	310
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			450	320	270

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			560	400	350
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			470	330	280
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			410	290	250
71	Đường tỉnh 765B	Ngã ba Xuân Định	Ngã ba Xuân Định + 200m	3.500	2.500	2.100
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			810	570	490
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			630	440	380
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			730	510	440
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			570	400	340
78	Đường tỉnh 765B	Ngã ba Xuân Định + 200m	Hết nghĩa địa Bảo Thị	3.000	2.100	1.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.300	910	780
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			810	570	490
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			630	440	380
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.200	840	720
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			730	510	440
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			570	400	340
85	Đường tỉnh 765B	Hết nghĩa địa Bảo Thị	Cầu Suối Hai	2.800	2.000	1.700
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			810	570	490
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			630	440	380
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			990	690	590

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			730	510	440
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			570	400	340
92	Đường tỉnh 765B	Cầu Suối Hai	Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m)	2.900	2.000	1.700
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			680	480	410
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			470	330	280
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			610	430	370
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			420	290	250
99	Đường tỉnh 765B	Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m)	Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)	2.600	1.800	1.600
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-			680	480	410

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông > 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông từ > 500 m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng < 3 m, cách đường giao thông ≤ 200 m.					
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông > 1.000 m. - Có bề rộng < 3 m, cách đường giao thông > 200 m.			470	330	280
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			1.200	840	720
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông > 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông từ > 500 m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng < 3 m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			610	430	370
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông > 1.000 m. - Có bề rộng < 3 m, cách đường giao thông > 200 m.			420	290	250
106	Đường tỉnh 765B	Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)	Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ	2.900	2.000	1.700
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			1.400	980	840
108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông > 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông từ > 500 m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng < 3 m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			680	480	410
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông > 1.000 m. - Có bề rộng < 3 m, cách đường giao thông > 200 m.			470	330	280
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến < 5 m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			1.300	910	780

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐDC số 63, ấp Bung Cản, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			760	530	460
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐDC số 63, ấp Bung Cản, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐDC số 63, ấp Bung Cản, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐDC số 63, ấp Bung Cản, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			680	480	410
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐDC số 63, ấp Bung Cản, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bung Cản đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐDC số 63, ấp Bung Cản, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
127	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Đường tỉnh 765B	Hết mét thứ 500	1.800	1.300	1.100
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			470	330	280

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
134	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn	1.400	980	840
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
141	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Đường tỉnh 765B	Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m)	1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
142	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			940	660	560
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			680	480	410
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
145	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			850	600	510
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			610	430	370
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
148	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m)	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà	1.600	1.100	960
149	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
150	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
151	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
152	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến			740	520	440

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
153	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
154	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
155	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà	Ranh giới xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
156	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
157	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
158	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
159	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
160	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
161	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
162	Đường Nông Doanh 3	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐDC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất	1.300	910	780

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			số 47, tờ BĐDC số 22 về bên trái			
163	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐDC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐDC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			670	470	400
164	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐDC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐDC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			600	420	360
165	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐDC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐDC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			450	320	270
166	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐDC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐDC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			600	420	360
167	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐDC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐDC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			540	380	320
168	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐDC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐDC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			410	290	250
169	Đường văn hóa Nông Doanh	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐDC số 21	1.300	910	780
170	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐDC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			670	470	400
171	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐDC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			600	420	360

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
172	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐDC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			450	320	270
173	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐDC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			600	420	360
174	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐDC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			540	380	320
175	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐDC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			410	290	250
176	Đường Nông Doanh 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐDC số 19 về bên trái	1.300	910	780
177	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐDC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			670	470	400
178	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐDC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			600	420	360
179	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐDC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			450	320	270
180	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐDC số 02 về			600	420	360

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐDC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
181	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐDC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			540	380	320
182	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐDC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐDC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			410	290	250
183	Đường Nông Doanh 2	Đường văn hóa Nông Doanh	Đường Nông Doanh 1	1.300	910	780
184	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			670	470	400
185	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			600	420	360
186	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			450	320	270
187	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			600	420	360
188	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			540	380	320
189	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			410	290	250
190	Đường hầm cầu Gia Tráp	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bà Rét	1.300	910	780



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
191	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Tráp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			670	470	400
192	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Tráp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			600	420	360
193	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Tráp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			450	320	270
194	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Tráp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			600	420	360
195	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Tráp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			540	380	320
196	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Tráp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			410	290	250
197	Đường Bà Rét	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Hàng Gòn	1.300	910	780
198	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bà Rét đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			670	470	400
199	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bà Rét đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			600	420	360
200	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bà Rét đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			450	320	270
201	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rét đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			600	420	360

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
202	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rét đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			540	380	320
203	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rét đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			410	290	250
204	Đường Lê Hồng Phong	Quốc lộ 1	Suối Gia Tráp	2.600	1.800	1.600
205	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Tráp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.200	840	720
206	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Tráp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			770	540	460
207	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Tráp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			580	410	350
208	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Tráp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
209	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Tráp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			690	480	410
210	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Tráp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			520	360	310
211	Đường Suối Rét B	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Hàng Gòn	1.700	1.200	1.000
212	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Rét B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			830	580	500
213	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Rét B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$.			640	450	380

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
214	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			510	360	310
215	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			750	530	450
216	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
217	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			460	320	280
218	Đường Chiến Thắng - Long Khánh	Quốc lộ 1	Ranh giới Thành phố Long Khánh	3.100	2.200	1.900
219	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới Thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
220	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới Thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			830	580	500
221	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới Thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			640	450	380
222	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới Thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
223	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới Thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			750	530	450
224	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới Thành phố Long Khánh			580	410	350

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
225	Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1+500m	1.700	1.200	1.000
226	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			840	590	500
227	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			700	490	420
228	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			560	390	340
229	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			760	530	460
230	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			630	440	380
231	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			500	350	300
232	Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh	Quốc lộ 1+500m	Ranh giới phường Long Khánh	1.300	910	780
233	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			670	470	400
234	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			600	420	360
235	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			450	320	270

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
236	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			600	420	360
237	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			540	380	320
238	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đôi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			410	290	250

30. Xã Cẩm Mỹ

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Giáp ranh xã Xuân Định	Cầu Bảo Bình	2.600	1.800	1.600
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.200	840	720
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			680	480	410
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			610	430	370
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
8	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Cầu Bảo Bình	Cầu Suối Lức	2.100	1.500	1.300
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			700	490	420
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			470	330	280



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			990	690	590
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			630	440	380
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
15	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Cầu Suối Lức	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	1.900	1.300	1.100
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			940	660	560
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			680	480	410
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			850	600	510
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			610	430	370
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
22	Đường ấp 9,11	Giáp ranh xã Xuân Đông	Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B ($\sim 1000\text{m}$)	1.300	910	780



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			640	450	380
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			530	370	320
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			410	290	250
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$.- Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			580	410	350
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			480	340	290
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			370	260	220
29	Đường ấp 9,11	Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m)	Đường tỉnh 765B	1.400	980	840
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			700	490	420
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			630	440	380

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
36	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Quốc lộ 56	Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình	1.600	1.100	960
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
43	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình	Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du	1.400	980	840
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			630	440	380
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			530	370	320
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
50	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du	Đường tỉnh 765B	2.100	1.500	1.300
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$.- Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$.- Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			700	490	420
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			990	690	590
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$.			630	440	380

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
57	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường tỉnh 765B	Giáp ranh xã Xuân Đông	1.600	1.100	960
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
64	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp ranh xã Xuân Đông	1.400	980	840
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
71	Đường Tân Bình	Đường tỉnh 765	Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình	1.500	1.100	900
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			760	530	460
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			680	480	410
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			420	290	250

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
78	Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình	Đường tỉnh 764	Đường Long Giao-Bảo Bình	2.300	1.600	1.400
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			820	570	490
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			590	410	350
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.100	770	660
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			740	520	440
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			530	370	320
85	Đường tỉnh 764	Quốc lộ 56	Hết cây xăng Xuân Mỹ	3.700	2.600	2.200
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.000	700	600
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			790	550	470

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			900	630	540
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.- Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			710	500	430
92	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Xuân Mỹ	Ranh giới xã Sông Ray	2.300	1.600	1.400
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			840	590	500
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			640	450	380
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.100	770	660
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			760	530	460
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			580	410	350
99	Đường Xuân Mỹ - Cù Bị	Quốc lộ 56	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	2.600	1.800	1.600
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			940	660	560
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			700	490	420
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.300	910	780
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$.- Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$.- Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			850	600	510
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			630	440	380
106	Quốc lộ 56	Giáp ranh phường Hàng Gòn	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	3.100	2.200	1.900
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.400	980	840
108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.000	700	600
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			790	550	470
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.300	910	780
111	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			900	630	540

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.					
112	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			710	500	430
113	Quốc lộ 56	Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân	Đường tỉnh 764	3.700	2.600	2.200
114	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.700	1.200	1.000
115	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.000	700	600
116	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			790	550	470
117	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.500	1.100	900
118	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			900	630	540
119	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			710	500	430
120	Quốc lộ 56	Đường tỉnh 764	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	2.900	2.000	1.700
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.400	980	840
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.000	700	600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			790	550	470
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			900	630	540
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			710	500	430
127	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Quốc lộ 56	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
134	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Quốc lộ 56	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			700	490	420
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			630	440	380
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			530	370	320
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
141	Hoàn Quân-Xuân Mỹ	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường tỉnh 764	2.000	1.400	1.200
142	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			1.000	700	600
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$.- Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$.- Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			900	630	540
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			700	490	420
145	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			900	630	540

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.					
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			810	570	490
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			630	440	380
148	Đường Long Giao - Bảo Bình	Đường Nguyễn Ái Quốc	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ	2.300	1.600	1.400
149	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			1.200	840	720
150	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			940	660	560
151	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			700	490	420
152	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			1.100	770	660
153	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			850	600	510
154	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			630	440	380
155	Đường Long Giao - Bảo Bình	Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ	Đường tỉnh 765B	1.900	1.300	1.100
156	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			940	660	560

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
157	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			820	570	490
158	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			640	450	380
159	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			850	600	510
160	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			740	520	440
161	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			580	410	350
162	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Bến xe xã Cẩm Mỹ	4.900	3.400	2.900
163	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
164	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
165	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.000	700	600
166	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
167	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$.			1.100	770	660

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
168	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đồng đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			900	630	540
169	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Bến xe xã Cẩm Mỹ	Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ	4.000	2.800	2.400
170	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
171	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
172	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.000	700	600
173	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
174	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
175	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			900	630	540
176	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ	Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân	3.400	2.400	2.000
177	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
178	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$.			1.200	840	720



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
179	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.000	700	600
180	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			1.500	1.100	900
181	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
182	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			900	630	540
183	Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ)	Đường Nguyễn Ái Quốc	Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ	3.700	2.600	2.200
184	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
185	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			990	690	590
186	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			820	570	490
187	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
188	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$.			890	620	530

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
189	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			740	520	440
190	Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ)	Trung tâm hành chính huyện cũ	Giáp ranh giới xã Xuân Đường	3.500	2.500	2.100
191	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
192	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			990	690	590
193	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			820	570	490
194	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			1.600	1.100	960
195	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$.- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$.- Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			890	620	530
196	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			740	520	440

31. Xã Xuân Quế

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Xuân Quế	Cầu Quân Y	2.600	1.800	1.600
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.000	700	600
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			790	550	470
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			900	630	540
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			710	500	430
8	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Cầu Quân Y	Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4	2.300	1.600	1.400
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			820	570	490
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			590	410	350

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			740	520	440
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			530	370	320
15	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4	Giáp ranh xã Dầu Giây	2.100	1.500	1.300
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			700	490	420
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			990	690	590
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			630	440	380
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
22	Đường Trung tâm ấp 1	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn	Giáp đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	2.100	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.200	840	720
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$.- Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$.- Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			820	570	490
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			590	410	350
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			740	520	440
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			530	370	320
29	Đường ấp 4 đi ấp 1	Đường Sông Nhạn-Dầu Giây	Đường Lộ 25-Sông Nhạn	1.800	1.300	1.100
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			940	660	560
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			820	570	490
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			590	410	350

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			850	600	510
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			740	520	440
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.- Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			530	370	320
36	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn	Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Dầu Giây	1.900	1.300	1.100
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			940	660	560
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			820	570	490
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			640	450	380
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			850	600	510
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			740	520	440
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			580	410	350
43	Đường ấp 4 đi ấp 6	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn	Đường tỉnh 773	2.100	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			990	690	590
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			780	550	470
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.000	700	600
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			890	620	530
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			700	490	420
50	Đường Suối Đục - Cầu Mên	Đường tỉnh 773	Xã Bình An	2.300	1.600	1.400
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.200	840	720
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.000	700	600
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			820	570	490
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			900	630	540
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			740	520	440
57	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường	Giáp ranh xã Bình An	1.900	1.300	1.100
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			940	660	560
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			820	570	490
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			640	450	380
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			850	600	510
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			740	520	440
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			580	410	350
64	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Hết 3.000m	1.400	980	840
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			700	490	420

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			630	440	380
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			530	370	320
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
71	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m)	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ	1.600	1.100	960
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			820	570	490
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			640	450	380
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			740	520	440

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			580	410	350
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			420	290	250
78	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	1.400	980	840
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			700	490	420
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			470	330	280
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			630	440	380
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			530	370	320
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			420	290	250

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
85	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế	1.600	1.100	960
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
92	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế	Đường Cầu Đò - Suối Sâu	2.100	1.500	1.300
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đò - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.100	770	660
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đò - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			700	490	420
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đò - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			470	330	280

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			990	690	590
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			630	440	380
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
99	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	1.600	1.100	960
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250

32. Xã Xuân Đường

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Giáp ranh xã Long Thành	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	5.900	4.100	3.500
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
8	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường	3.100	2.200	1.900
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			950	670	570
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			780	550	470

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			860	600	520
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			700	490	420
15	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	3.300	2.300	2.000
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			950	670	570
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			780	550	470
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			860	600	520
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			700	490	420
22	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay			6.000	4.200	3.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường					
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			2.900	2.000	1.700
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.100	1.500	1.300
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.500	1.100	900
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			2.600	1.800	1.600
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.900	1.300	1.100
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.400	980	840
29	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Xuân Đường	Đường tỉnh 773	2.100	1.500	1.300
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			840	590	500
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			640	450	380
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			990	690	590



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			760	530	460
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			580	410	350
36	Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học	Đường tỉnh 773	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐDC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường	1.900	1.300	1.100
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐDC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			940	660	560
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐDC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			820	570	490
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐDC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			640	450	380
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐDC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			850	600	510
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐDC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			740	520	440
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh			580	410	350



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
43	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Đường tỉnh 773	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường	1.900	1.300	1.100
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			940	660	560
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			820	570	490
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			640	450	380
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			850	600	510
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			740	520	440
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			580	410	350
50	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường	Hết chùa Bảo Minh	1.800	1.300	1.100
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			880	620	530
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			680	480	410

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			790	550	470
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			610	430	370
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
57	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Hết chùa Bảo Minh	Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20	1.800	1.300	1.100
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			880	620	530
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			680	480	410
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			790	550	470
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			610	430	370
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			420	290	250

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
64	Đường vào khu dân cư Suối Quýt	Ngã ba Suối Quýt	Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường	4.200	2.900	2.500
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			1.900	1.300	1.100
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			1.700	1.200	1.000
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.200	840	720
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			1.700	1.200	1.000
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			1.500	1.100	900
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.100	770	660
71	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Đường tỉnh 773	Giáp ranh xã Long Phước	4.900	3.400	2.900
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			2.400	1.700	1.400
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			1.800	1.300	1.100
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.600	1.100	960
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long			2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.600	1.100	960
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.400	980	840
78	Đường Cầu Mên	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Giáp ranh xã Long Thành	4.400	3.100	2.600
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			2.200	1.500	1.300
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.700	1.200	1.000
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.500	1.100	900
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			2.000	1.400	1.200
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.500	1.100	900
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.400	980	840

33. Xã Sông Ray

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 764	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Hết Trại giam Xuyên Mộc	2.900	2.000	1.700
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
8	Đường tỉnh 764	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Hết Trường THCS Sông Ray	3.300	2.300	2.000
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
15	Đường tỉnh 764	Hết Trường THCS Sông Ray	Đường liên ấp 1 - ấp 5	3.900	2.700	2.300
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
22	Đường tỉnh 764	Đường liên ấp 1 - ấp 5	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	4.600	3.200	2.800
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng			2.100	1.500	1.300



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			940	660	560
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			720	500	430
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.900	1.300	1.100
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			850	600	510
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			650	460	390
29	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	3.600	2.500	2.200
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.700	1.200	1.000
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			940	660	560
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			720	500	430
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.500	1.100	900



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
36	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	2.600	1.800	1.600
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
43	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Xuân Đông	Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray	4.600	3.200	2.800
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường			940	660	560

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
50	Đường tỉnh 765	Đường tổ 10 ấp 9	Cầu Suối Thề	3.900	2.700	2.300
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
57	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Thề	Hết chùa Thiên Ân	3.300	2.300	2.000
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
64	Đường tỉnh 765	Hết chùa Thiên Ân	Hết cây xăng Vĩnh Hòa	2.600	1.800	1.600
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			720	500	430

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
71	Đường tỉnh 765	Hết cây xăng Vĩnh Hòa	Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	2.300	1.600	1.400
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.100	770	660
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
78	Đường tỉnh 765	Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Cầu Gia Hoét	1.700	1.200	1.000
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			850	600	510
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			650	460	390
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			520	360	310
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			770	540	460
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
85	Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765	Hết ranh giới xã Lâm San cũ	1.400	980	840
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			700	490	420
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
92	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	1.400	980	840
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
99	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765B	Ngã ba (giáp với đoạn số 1)	1.400	980	840
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng			700	490	420

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
106	Đường tỉnh 765B	Ngã tư Biên Hòa 2	Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh	1.500	1.100	900
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			760	530	460
108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			680	480	410

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
111	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
112	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
113	Đường tỉnh 765B	Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh	Đường tỉnh 765	2.100	1.500	1.300
114	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.100	770	660
115	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			700	490	420
116	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
117	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			990	690	590
118	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			630	440	380
119	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
120	Đường ấp 6 - 7 Sông Ray	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 765B	1.400	980	840
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông			590	410	350

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
127	Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray	Đường tỉnh 764	Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray	1.700	1.200	1.000
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			530	370	320
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			740	520	440

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐDC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐDC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			580	410	350
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐDC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐDC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			480	340	290
134	Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 765	1.600	1.100	960
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			760	530	460
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			530	370	320
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			680	480	410
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			530	370	320
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			480	340	290
141	Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐDC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐDC số 89 về bên phải, xã Sông Ray	1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
142	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐDC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐDC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			700	490	420
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐDC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐDC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐDC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐDC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
145	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐDC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐDC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			630	440	380
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐDC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐDC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			530	370	320
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐDC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐDC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250

34. Xã Xuân Đông

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Xuân Phú	Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	2.900	2.000	1.700
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
8	Đường tỉnh 765	Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)	3.300	2.300	2.000
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
15	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)	Cầu Suối Lức	2.900	2.000	1.700
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
22	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Lức	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	3.900	2.700	2.300



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
29	Đường tỉnh 765	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Giáp ranh xã Sông Ray	4.600	3.200	2.800
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			850	600	510
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			650	460	390
36	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Đường tỉnh 765	Giáp cây xăng Châu Loan	2.100	1.500	1.300
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			680	480	410
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			990	690	590
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			610	430	370
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
43	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Giáp cây xăng Châu Loan	Hết Trường Tiểu học Trần Phú	1.800	1.300	1.100
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			820	570	490

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			470	330	280
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			420	290	250
50	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết Trường Tiểu học Trần Phú	Giáp ranh xã Xuân Hòa	1.500	1.100	900
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			760	530	460
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			470	330	280
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			680	480	410
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			530	370	320

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
57	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 1500m	1.600	1.100	960
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
64	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Đường tỉnh 765 + 1500m	Ranh giới xã Xuân Đông	1.400	980	840
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
78	Đường Suối Lức - Rừng Tre	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông	1.400	980	840
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
85	Đường La Hoa - Rừng Tre	Đường tỉnh 764	Đường Suối Lức - Rừng Tre	1.400	980	840
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
92	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Giáp ranh xã Xuân Phú	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	1.600	1.100	960
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			700	490	420
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			630	440	380
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			420	290	250

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
99	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường ấp 4	1.400	980	840
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			700	490	420
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			590	410	350
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			470	330	280
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			630	440	380
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			530	370	320
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			420	290	250
106	Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 1.800m	1.600	1.100	960
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			820	570	490
108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			640	450	380
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			470	330	280

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			740	520	440
111	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			580	410	350
112	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
113	Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 765 + 1.800m	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	1.400	980	840
114	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			700	490	420
115	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			590	410	350
116	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
117	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			630	440	380
118	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			530	370	320
119	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
120	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường			700	490	420

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
127	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ	1.600	1.100	960
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			820	570	490
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			640	450	380
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			740	520	440

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			580	410	350
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
134	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ	Cầu Xuân Tây	1.900	1.300	1.100
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			940	660	560
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			680	480	410
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			850	600	510
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			610	430	370
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
141	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Cầu Xuân Tây	Đường tỉnh 765	2.100	1.500	1.300
142	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường			700	490	420

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
145	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			990	690	590
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			630	440	380
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
148	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	1.400	980	840
149	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
150	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
151	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
152	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
153	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
154	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
155	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 2000m	1.900	1.300	1.100
156	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			940	660	560
157	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			680	480	410
158	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
159	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			850	600	510
160	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			610	430	370
161	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
162	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Đường tỉnh 765 + 2000m	Đường tỉnh 765B	1.500	1.100	900
163	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
164	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
165	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là			470	330	280

ĐỒNG NH

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
166	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
167	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
168	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
169	Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 764	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	1.400	980	840
170	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			700	490	420
171	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
172	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
173	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			630	440	380
174	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
175	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
176	Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ	Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	1.400	980	840
177	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			710	500	430
178	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			580	410	350
179	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			450	320	270
180	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			640	450	380
181	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			520	360	310
182	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			410	290	250
183	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	1.900	1.300	1.100
184	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			940	660	560
185	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			680	480	410
186	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			470	330	280

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
187	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			850	600	510
188	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			610	430	370
189	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
190	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Hồ Suối Ran	1.500	1.100	900
191	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			760	530	460
192	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			590	410	350
193	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			470	330	280
194	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			680	480	410
195	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			530	370	320
196	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			420	290	250
197	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Hồ Suối Ran	Ngã tư Biên Hòa 2	1.800	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
198	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			820	570	490
199	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			640	450	380
200	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			470	330	280
201	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			740	520	440
202	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			580	410	350
203	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			420	290	250
204	Đường tỉnh 764	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Hết Trại giam Xuyên Mộc	2.600	1.800	1.600
205	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.300	910	780
206	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			940	660	560
207	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			720	500	430
208	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.200	840	720

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
209	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			850	600	510
210	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			650	460	390
211	Đường tỉnh 764	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Hết Trường THCS Sông Ray	3.300	2.300	2.000
212	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.600	1.100	960
213	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			940	660	560
214	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			720	500	430
215	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.400	980	840
216	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			850	600	510
217	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			650	460	390
218	Đường tỉnh 764	Hết Trường THCS Sông Ray	Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray	3.900	2.700	2.300
219	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.700	1.200	1.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
220	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
221	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			720	500	430
222	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
223	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
224	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			650	460	390
225	Đường tỉnh 764	Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	4.600	3.200	2.800
226	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
227	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
228	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			720	500	430
229	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
230	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			850	600	510

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
231	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
232	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	3.600	2.500	2.200
233	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
234	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
235	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
236	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
237	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
238	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
239	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	2.600	1.800	1.600
240	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
241	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
242	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			720	500	430
243	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
244	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
245	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390

35. Xã Trảng Bom

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 777)			15.300	10.700	9.200
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			5.900	4.100	3.500
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			4.200	2.900	2.500
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.500	1.800	1.500
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			5.300	3.700	3.200
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.800	2.700	2.300
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.300	1.600	1.400
8	Đường Trần Phú	Quốc lộ 1	Đường sắt	11.400	8.000	6.800
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.900	3.400	2.900
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.500	2.500	2.100
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.100	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.400	3.100	2.600
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
15	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường 29 tháng 4	Đường 19 tháng 8	9.800	6.900	5.900
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.000	3.500	3.000
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.500	3.200	2.700
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
22	Đường Lê Hồng Phong	Đường 29 tháng 4	Đường 3 tháng 2	7.700	5.400	4.600
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			4.500	3.200	2.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.					
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.100	2.900	2.500
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
29	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 tháng 2	Đường 2 tháng 9	6.300	4.400	3.800
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.300	1.600	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.					
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.800	1.300	1.100
36	Đường Tạ Uyên	Đường 29 tháng 4	Đường Nguyễn Sơn Hà	5.600	3.900	3.400
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.400	2.400	2.000
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.500	1.800	1.500
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.600	1.100	960
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.100	2.200	1.900
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.300	1.600	1.400
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.400	980	840
43	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 29 tháng 4	Đường sắt	9.800	6.900	5.900
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			5.000	3.500	3.000
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.300	2.300	2.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
57	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	13.900	9.700	8.300
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.600	3.900	3.400
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.900	2.700	2.300
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.000	3.500	3.000
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
64	Đường Trường Chinh	Quốc lộ 1	Đường 2 tháng 9	13.900	9.700	8.300
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			4.800	3.400	2.900



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.					
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.400	2.400	2.000
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.200	1.500	1.300
71	Đường Trường Chinh	Đường 2 tháng 9	Đường Cách Mạng Tháng 8	8.100	5.700	4.900
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.500	3.200	2.700
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.100	2.200	1.900
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.000	1.400	1.200
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.100	2.900	2.500
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.800	2.000	1.700
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.800	1.300	1.100
78	Đường Phan Đăng Lưu	Đường 3 tháng 2	Đường Cách Mạng Tháng 8	10.400	7.300	6.200
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.700	3.300	2.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.300	2.300	2.000
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			2.000	1.400	1.200
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.200	2.900	2.500
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.000	2.100	1.800
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.800	1.300	1.100
85	Đường Lê Duẩn	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	10.400	7.300	6.200
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.700	3.300	2.800
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.300	2.300	2.000
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			2.000	1.400	1.200
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.200	2.900	2.500
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.000	2.100	1.800
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa,			1.800	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
92	Đường Hà Huy Giáp	Đường 29 tháng 4	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐDC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐDC số 30 (xã Trảng Bom)	5.300	3.700	3.200
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐDC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐDC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐDC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐDC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐDC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐDC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐDC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐDC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐDC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐDC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐDC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐDC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
99	Đường Dương Bạch Mai	Đường 29 tháng 4	Đường 3 tháng 2	4.800	3.400	2.900
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.300	1.600	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.800	1.300	1.100
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.600	1.100	960
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			2.100	1.500	1.300
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.600	1.100	960
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.400	980	840
106	Đường 19 tháng 8	Đường Trần Phú	Đường Lê Hồng Phong	5.200	3.600	3.100
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			2.600	1.800	1.600
108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.100	1.500	1.300
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.700	1.200	1.000
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			2.300	1.600	1.400
111	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$.			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
112	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
113	Đường Hoàng Tam Kỳ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Văn Cừ	5.600	3.900	3.400
114	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
115	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
116	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
117	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
118	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
119	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
120	Đường Hoàng Việt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 30 tháng 4	5.600	3.900	3.400
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
127	Đường Nguyễn Sơn Hà	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	5.600	3.900	3.400
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
134	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	15.300	10.700	9.200
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.900	4.100	3.500
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
141	Đường 2 tháng 9	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Lê Hồng Phong	11.100	7.800	6.700
142	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.000	3.500	3.000
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.600	2.500	2.200
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
145	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.500	3.200	2.700
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.200	2.200	1.900
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.000	1.400	1.200
148	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	9.100	6.400	5.500
149	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.700	3.300	2.800
150	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.300	2.300	2.000
151	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.000	1.400	1.200
152	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.200	2.900	2.500
153	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.000	2.100	1.800
154	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.800	1.300	1.100
155	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Trương Văn Bang	Đường 30 tháng 4	8.400	5.900	5.000
156	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường			4.700	3.300	2.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.					
157	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
158	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
159	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
160	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
161	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
162	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	6.200	4.300	3.700
163	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.700	2.600	2.200
164	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
165	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
166	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.300	2.300	2.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
167	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
168	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
169	Đường Đinh Quang Ân	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	5.300	3.700	3.200
170	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
171	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
172	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
173	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
174	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
175	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
176	Đường Nguyễn Văn Huyền	Đường Trường Chinh	Trường Mầm non Tuổi Thơ	5.600	3.900	3.400
177	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyền đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
178	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyền đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là			2.500	1.800	1.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
179	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyền đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960
180	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyền đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
181	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyền đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
182	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyền đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
183	Đường Điện Biên Phủ	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	5.600	3.900	3.400
184	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
185	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
186	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960
187	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
188	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
189	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
190	Đường Phạm Văn Thuận	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	5.600	3.900	3.400
191	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
192	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
193	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
194	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
195	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
196	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
197	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường Ngô Quyền	Đường Đinh Tiên Hoàng	15.300	10.700	9.200
198	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.900	4.100	3.500
199	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
200	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.500	1.800	1.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
201	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
202	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
203	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
204	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Trụ Sở Hội người mù	Đường Nguyễn Huệ	15.300	10.700	9.200
205	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.900	4.100	3.500
206	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
207	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
208	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
209	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
210	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
211	Đường Hưng Đạo Vương	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương	8.400	5.900	5.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
212	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.700	3.300	2.800
213	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.200	2.200	1.900
214	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.000	1.400	1.200
215	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.200	2.900	2.500
216	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.900	2.000	1.700
217	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.800	1.300	1.100
218	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương	8.400	5.900	5.000
219	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.700	3.300	2.800
220	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.200	2.200	1.900
221	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.000	1.400	1.200
222	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			4.200	2.900	2.500



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.					
223	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
224	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
225	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường An Dương Vương	10.400	7.300	6.200
226	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.000	3.500	3.000
227	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
228	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
229	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.500	3.200	2.700
230	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
231	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
232	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng	9.100	6.400	5.500
233	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.600	3.200	2.800

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
234	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
235	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
236	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.100	2.900	2.500
237	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
238	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
239	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	9.100	6.400	5.500
240	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.600	3.200	2.800
241	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
242	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
243	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.100	2.900	2.500
244	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$.			2.800	2.000	1.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
245	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
246	Đường Lê Lai	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Nam Đế	9.100	6.400	5.500
247	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.700	3.300	2.800
248	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
249	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
250	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
251	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
252	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
253	Đường Đinh Tiên Hoàng	Quốc lộ 1	Đường Hùng Vương	10.400	7.300	6.200
254	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
255	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
256	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi			2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	mãng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
257	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.800	3.400	2.900
258	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
259	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
260	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha)	9.800	6.900	5.900
261	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.700	3.300	2.800
262	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
263	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
264	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
265	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
266	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
267	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường An Dương Vương	Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ)	4.600	3.200	2.800
268	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
269	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
270	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
271	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
272	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
273	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
274	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Nam Đế	9.100	6.400	5.500
275	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.600	3.200	2.800
276	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
277	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
278	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			4.100	2.900	2.500



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.					
279	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.800	2.000	1.700
280	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.800	1.300	1.100
281	Đường Lê Đại Hành	Đường An Dương Vương	Thửa đất số 376, tờ BĐDC số 8, xã Trảng Bom	4.300	3.000	2.600
282	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐDC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			2.100	1.500	1.300
283	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐDC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.700	1.200	1.000
284	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐDC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.400	980	840
285	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐDC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			1.900	1.300	1.100
286	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐDC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.500	1.100	900
287	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐDC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.300	910	780
288	Đường Trần Quang Diệu	Quốc lộ 1	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐDC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐDC số 17 (xã Trảng Bom)	5.000	3.500	3.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
289	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐDC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐDC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
290	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐDC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐDC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
291	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐDC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐDC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
292	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐDC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐDC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
293	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐDC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐDC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
294	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐDC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐDC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
295	Đường Trần Nguyên Hãn	Quốc lộ 1	Thửa đất số 343, tờ BĐDC số 18, xã Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
296	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐDC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
297	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐDC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
298	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐDC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
299	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐDC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
300	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐDC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
301	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐDC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
302	Đường Hùng Vương	Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo	Đường Nguyễn Hoàng	13.900	9.700	8.300
303	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
304	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
305	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
306	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.800	3.400	2.900
307	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
308	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
309	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hoàng	Đường Ngô Quyền	15.300	10.700	9.200
310	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.900	4.100	3.500
311	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
312	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
313	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
314	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
315	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
316	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Đường D6	10.400	7.300	6.200
317	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.700	3.300	2.800
318	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
319	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
320	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
321	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
322	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
323	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương)			11.100	7.800	6.700
324	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.900	4.100	3.500
325	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
326	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
327	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
328	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
329	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
330	Đường tổ 8, ấp 2	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hoàng	5.600	3.900	3.400
331	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
332	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
333	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
334	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
335	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
336	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
337	Đường Lê Văn Hưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Nguyễn Hãn	5.600	3.900	3.400
338	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyễn Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
339	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyễn Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
340	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
341	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
342	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
343	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
344	Đường Nguyễn Du	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Văn Linh	5.600	3.900	3.400
345	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
346	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
347	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
348	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
349	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
350	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
351	Đường Nguyễn Khuyến	Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới	Đường Nguyễn Văn Linh	5.600	3.900	3.400
352	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.400	2.400	2.000
353	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.500	1.800	1.500
354	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.600	1.100	960
355	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.100	2.200	1.900
356	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.300	1.600	1.400
357	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.400	980	840
358	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Hoa Thám	6.700	4.700	4.000
359	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.400	2.400	2.000
360	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.500	1.800	1.500
361	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.600	1.100	960

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
362	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.100	2.200	1.900
363	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.300	1.600	1.400
364	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.400	980	840
365	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường vào chợ Trảng Bom	5.600	3.900	3.400
366	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.400	2.400	2.000
367	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.500	1.800	1.500
368	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.600	1.100	960
369	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.100	2.200	1.900
370	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.300	1.600	1.400
371	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.400	980	840
372	Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương	Đường vào chợ Trảng Bom	5.600	3.900	3.400

ĐỒNG NÚI

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
373	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
374	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
375	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
376	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
377	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
378	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
379	Đường vào chợ Trảng Bom	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Chu Trinh	8.400	5.900	5.000
380	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.000	3.500	3.000
381	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.600	2.500	2.200
382	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
383	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.500	3.200	2.700
384	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
385	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
386	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường Hùng Vương	5.600	3.900	3.400
387	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
388	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
389	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
390	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
391	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
392	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
393	Nguyễn Hoàng	Quốc lộ 1	Đường Hùng Vương	11.100	7.800	6.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
394	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
395	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
396	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
397	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.800	3.400	2.900
398	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
399	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
400	Nguyễn Hoàng	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ)	9.100	6.400	5.500
401	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
402	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
403	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
404	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
405	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là			2.800	2.000	1.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
406	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
407	Đường tỉnh 777	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	11.100	7.800	6.700
408	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.000	3.500	3.000
409	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
410	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
411	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.500	3.200	2.700
412	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
413	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
414	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường Nguyễn Hoàng	Đầu cầu số 6	5.300	3.700	3.200
415	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
416	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
417	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường			1.200	840	720

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
418	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
419	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.400	980	840
420	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.100	770	660
421	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đầu cầu số 6	Giáp ranh xã Bàu Hàm	3.900	2.700	2.300
422	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
423	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.300	910	780
424	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			990	690	590
425	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
426	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
427	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			890	620	530

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
428	Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ)	Đường Trảng Bom Thanh Bình	Suối Pét	2.100	1.500	1.300
429	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			990	690	590
430	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			870	610	520
431	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			740	520	440
432	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			890	620	530
433	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			780	550	470
434	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			670	470	400
435	Đường công Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường công ty gỗ Rừng Thông	3.100	2.200	1.900
436	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
437	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
438	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			870	610	520
439	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường			1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
440	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
441	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			780	550	470
442	Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường Trảng Bom Thanh Bình	3.200	2.200	1.900
443	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
444	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
445	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			990	690	590
446	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
447	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
448	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			890	620	530
449	Đường vào công ty gỗ Rừng Thông	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao	3.900	2.700	2.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo)			
450	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			2.000	1.400	1.200
451	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.600	1.100	960
452	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.200	840	720
453	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$.- Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.800	1.300	1.100
454	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.400	980	840
455	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.100	770	660
456	Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu)	3.200	2.200	1.900
457	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.600	1.100	960
458	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.200	840	720

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
459	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			990	690	590
460	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
461	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
462	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			890	620	530
463	Đường Sông Trầu 3	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88	3.200	2.200	1.900
464	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
465	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
466	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			990	690	590
467	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
468	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
469	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			890	620	530

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
470	Đường Sông Trầu 3	Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88	Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b	2.600	1.800	1.600
471	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
472	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
473	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			990	690	590
474	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
475	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
476	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			890	620	530
477	Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9	Đường vào công ty gỗ Rừng Thông	Đường công Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ))	4.200	2.900	2.500
478	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường công Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
479	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường công Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			1.600	1.100	960

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
480	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường công Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.200	840	720
481	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường công Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
482	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường công Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.400	980	840
483	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường công nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường công Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.100	770	660
484	Đường Bình Minh - Giang Điền	Đường sắt	Cầu Sông Buông	8.200	5.700	4.900
485	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
486	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
487	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
488	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
489	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			2.100	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
490	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
491	Đường Bình Minh - Giang Điền	Ranh giới xã Giang Điền (cũ)	Cầu Sông Buông	8.600	6.000	5.200
492	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.700	2.600	2.200
493	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
494	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
495	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
496	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
497	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
498	Đường Bình Minh - Giang Điền	Cầu Sông Buông	Ranh giới xã An Viễn	7.200	5.000	4.300
499	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
500	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
501	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Búng đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780
502	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Búng đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
503	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Búng đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
504	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Búng đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.200	840	720
505	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Bình Minh - Giang Điền	Giáp ranh phường Tam Phước	6.600	4.600	4.000
506	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
507	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
508	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
509	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
510	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
511	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780
512	Đường Phước Tân - Giang Điền	Đường Bình Minh- Giang Điền	Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh	5.300	3.700	3.200
513	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
514	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
515	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780
516	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
517	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
518	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.200	840	720
519	Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐDC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An)	2.200	1.500	1.300
520	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐDC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.100	770	660

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
521	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐDC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			890	620	530
522	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐDC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			620	430	370
523	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐDC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			990	690	590
524	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐDC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			800	560	480
525	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐDC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			560	390	340
526	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao	Đường Trắng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Bàu Hàm	2.100	1.500	1.300
527	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			960	670	580
528	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			760	530	460
529	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			550	390	330
530	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trắng Bom - Thanh Bình đến Giáp			860	600	520

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
531	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			680	480	410
532	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			500	350	300
533	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Cầu 1 tấn	4.200	2.900	2.500
534	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			2.100	1.500	1.300
535	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.800	1.300	1.100
536	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.200	840	720
537	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.900	1.300	1.100
538	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.600	1.100	960
539	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.100	770	660
540	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Bình Minh	Đường Trần Phú	10.600	7.400	6.400
541	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			4.100	2.900	2.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
542	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
543	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
544	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.700	2.600	2.200
545	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
546	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
547	Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành)	Đường Trần Phú	Đường tỉnh 777	13.900	9.700	8.300
548	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.900	4.100	3.500
549	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
550	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
551	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
552	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
553	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
554	Quốc lộ 1	Đường tỉnh 777	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	9.400	6.600	5.600
555	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
556	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
557	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
558	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
559	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
560	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
561	Đường Vườn Ngõ	Đường Lê Duẩn	Đường tỉnh 777	6.900	4.800	4.100
562	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
563	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
564	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
565	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
566	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
567	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780
568	Đường 3 tháng 2 nối dài	Đường Trần Phú	Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên	10.000	7.000	6.000
569	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			4.900	3.400	2.900
570	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
571	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
572	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			4.400	3.100	2.600
573	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
574	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
575	Đường 3 tháng 2 nối dài	Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên	Giáp ranh xã Bình Minh	8.500	6.000	5.100
576	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
577	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
578	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
579	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
580	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
581	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
582	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Ranh giới xã Bình Minh	Hết Công ty Sông Gianh	2.700	1.900	1.600
583	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
584	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
585	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			620	430	370

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
586	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.400	980	840
587	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			990	690	590
588	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			560	390	340
589	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Hết Công ty Sông Gianh	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	3.900	2.700	2.300
590	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			2.000	1.400	1.200
591	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.600	1.100	960
592	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.200	840	720
593	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.800	1.300	1.100
594	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.400	980	840
595	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.100	770	660
596	Đường An Dương Vương	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	9.800	6.900	5.900
597	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường			4.700	3.300	2.800



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.					
598	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.200	2.200	1.900
599	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.100	1.500	1.300
600	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.200	2.900	2.500
601	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.900	2.000	1.700
602	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.900	1.300	1.100
603	Đường Bùi Thị Xuân	Quốc lộ 1	Thửa đất số 7, tờ BĐDC số 17	7.300	5.100	4.400
604	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐDC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.700	2.600	2.200
605	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐDC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.500	1.800	1.500
606	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐDC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.600	1.100	960
607	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐDC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.300	2.300	2.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
608	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐDC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.300	1.600	1.400
609	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐDC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.400	980	840
610	Đường Hai Bà Trưng	Đường Ngô Quyền	Đường An Dương Vương	8.400	5.900	5.000
611	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.700	3.300	2.800
612	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.200	2.200	1.900
613	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			2.000	1.400	1.200
614	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.200	2.900	2.500
615	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.900	2.000	1.700
616	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.800	1.300	1.100
617	Đường Lý Nam Đế	Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9	Đường An Dương Vương	9.100	6.400	5.500
618	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.700	3.300	2.800
619	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có			3.200	2.200	1.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
620	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
621	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
622	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
623	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
624	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng	9.100	6.400	5.500
625	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.600	3.200	2.800
626	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
627	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
628	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.100	2.900	2.500
629	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.800	2.000	1.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
630	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
631	Đường Ngô Quyền	Nguyễn Hữu Cánh	Đường An Dương Vương	10.400	7.300	6.200
632	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.000	3.500	3.000
633	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
634	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
635	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.500	3.200	2.700
636	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
637	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cánh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
638	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường Hùng Vương	11.800	8.300	7.100
639	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.900	4.100	3.500
640	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
641	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường			2.500	1.800	1.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
642	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			5.300	3.700	3.200
643	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.800	2.700	2.300
644	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
645	Đường Trần Nhật Duật	Đường Hùng Vương	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐDC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐDC số 15 (xã Trảng Bom)	5.000	3.500	3.000
646	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐDC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐDC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
647	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐDC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐDC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
648	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐDC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐDC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.100	770	660
649	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐDC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐDC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
650	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐDC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐDC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.600	1.100	960

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
651	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.000	700	600
652	Đường Trương Văn Bang	Đường 2 tháng 9	Giáp ranh xã An Viễn	8.400	5.900	5.000
653	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.700	3.300	2.800
654	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
655	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
656	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
657	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
658	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
659	Đường Trương Văn Bang	Đường 3 tháng 2	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ)	8.400	5.900	5.000
660	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.700	3.300	2.800
661	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$.			3.300	2.300	2.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
662	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
663	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.200	2.900	2.500
664	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
665	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
666	Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai	6.700	4.700	4.000
667	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
668	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
669	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
670	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
671	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
672	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường			1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
673	Đường Lê Quý Đôn	Đầu từ 31 thửa 81	Đường Trương Định	5.000	3.500	3.000
674	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu từ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
675	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu từ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
676	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu từ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
677	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu từ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
678	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu từ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
679	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu từ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
680	Đường Trương Định	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	5.000	3.500	3.000
681	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
682	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
683	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
684	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			2.300	1.600	1.400
685	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.800	1.300	1.100
686	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.400	980	840
687	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	9.100	6.400	5.500
688	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.600	3.200	2.800
689	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			3.100	2.200	1.900
690	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.000	1.400	1.200
691	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			4.100	2.900	2.500
692	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.800	2.000	1.700
693	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.800	1.300	1.100
694	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp	2.100	1.500	1.300
695	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			990	690	590

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
696	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			870	610	520
697	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			740	520	440
698	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			890	620	530
699	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			780	550	470
700	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			670	470	400
701	Đường Sông Trầu 17	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	2.100	1.500	1.300
702	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			990	690	590
703	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			870	610	520
704	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			740	520	440
705	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			890	620	530

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
706	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			780	550	470
707	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			670	470	400
708	Đường số 20	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	2.100	1.500	1.300
709	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			990	690	590
710	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			870	610	520
711	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			740	520	440
712	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			890	620	530
713	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			780	550	470
714	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			670	470	400
715	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	7.300	5.100	4.400
716	Đường song song với Đường Phan Chu Trinh (đi qua chợ)	Đường Nguyễn Tri Phương	Ba Đường nhựa mặt tiền chợ Mới	5.600	3.900	3.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
717	Ba Đường nhựa mặt tiền chợ Mới	- Đường Hùng Vương - Đường Nguyễn Tri Phương	- Đường Phan Chu Trinh - Đường Hoàng Hoa Thám	8.400	5.900	5.000
718	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lai	7.700	5.400	4.600
719	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Du	5.600	3.900	3.400



36. Xã An Viễn

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường Vườn Ngõ	Đường sắt	6.500	4.600	3.900
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngõ đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngõ đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngõ đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngõ đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngõ đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngõ đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.200	840	720
8	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường sắt	Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh	3.700	2.600	2.200
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.400	980	840
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng			940	660	560

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.300	910	780
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			850	600	510
15	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh	Sông Buông	5.200	3.600	3.100
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.100	770	660
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.400	980	840
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			990	690	590

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
22	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Sông Buông	Ngã ba cây xăng Xuân Dũng	4.700	3.300	2.800
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.400	980	840
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.000	700	600
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.300	910	780
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			900	630	540
29	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Ngã ba cây xăng Xuân Dũng	Giáp ranh phường Tam Phước	8.100	5.700	4.900
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
36	Đường vào khu công nghiệp Giang Điền	Đường tỉnh 777	Giáp ranh xã Trảng Bom	8.500	6.000	5.100
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
43	Đường ấp 5 - ấp 6	Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m		4.000	2.800	2.400
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			2.000	1.400	1.200
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.700	1.200	1.000
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.200	840	720
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.800	1.300	1.100
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.500	1.100	900
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.100	770	660
50	Đường ấp 5 - ấp 6	Đường Mai Chí Thọ	Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m	3.500	2.500	2.100
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.700	1.200	1.000
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.500	1.100	900
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công			1.100	770	660

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buồng trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buồng trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.400	980	840
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buồng trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			990	690	590
57	Đường liên ấp 2-3-4	Đường ấp 2	Hết ranh xã An Viễn	3.600	2.500	2.200
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.100	770	660
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.400	980	840
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			990	690	590

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
64	Đường ấp 2	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường liên ấp 2-3-4	3.400	2.400	2.000
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.600	1.100	960
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.300	910	780
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.200	840	720
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.100	770	660
71	Đường ấp 2	Đường liên ấp 2-3-4	Đường lô cao su xã An Viễn	3.000	2.100	1.800
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.000	700	600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường áp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.300	910	780
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường áp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.100	770	660
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường áp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			900	630	540
78	Đường Lê Duẩn	Quốc lộ 1	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐDC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐDC số 31	8.600	6.000	5.200
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐDC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐDC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.900	2.700	2.300
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐDC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐDC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐDC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐDC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐDC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐDC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐDC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐDC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
85	Đường Vườn Ngõ	Đường Lê Duẩn	Đường tỉnh 777	6.900	4.800	4.100
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngõ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780
92	Quốc lộ 1	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Giáp ranh xã Trảng Bom	9.400	6.600	5.600
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là			1.600	1.100	960



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
99	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Quốc lộ 1	Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐDC số 11, xã An Viễn)	7.200	5.000	4.300
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐDC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐDC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐDC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐDC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐDC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐDC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.200	840	720

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
106	Đường số 10	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4)	3.400	2.400	2.000
107	Đường số 8	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3)	3.400	2.400	2.000
108	Đường từ ấp 3 - ấp 6	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3	3.400	2.400	2.000
109	Đường từ ấp 3 - ấp 6	Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3)	3.000	2.100	1.800
110	Đường Cổng chào ấp 4	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5)	3.400	2.400	2.000
111	Đường Mai Chí Thọ	Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5	Giáp ranh phường Tam Phước	3.400	2.400	2.000
112	Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6	Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5	3.400	2.400	2.000

37. Xã Bầu Hầm

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Trảng Bom	Đường vào Công ty Đông Nhi	2.500	1.800	1.500
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.200	840	720
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			960	670	580
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			830	580	500
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			860	600	520
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			750	530	450
8	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường vào Công ty Đông Nhi	Ngã tư Tân Lập	3.400	2.400	2.000
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.700	1.200	1.000
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			1.400	980	840
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			960	670	580

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.300	910	780
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			860	600	520
15	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã tư Tân Lập	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24	3.200	2.200	1.900
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.300	910	780
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			890	620	530
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.400	980	840
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến			1.200	840	720

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	$\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			800	560	480
22	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24	Hồ Trị An	2.100	1.500	1.300
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.100	770	660
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			960	670	580
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			690	480	410
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			990	690	590
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			860	600	520
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			620	430	370
29	Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An	2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.100	770	660
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			890	620	530
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			620	430	370
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			990	690	590
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			800	560	480
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Diệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			560	390	340
36	Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2	Quốc lộ 1	Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu	1.800	1.300	1.100
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			830	580	500
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			690	480	410
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			550	390	330

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			750	530	450
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			620	430	370
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			500	350	300
43	Đường tỉnh 762	Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km		3.300	2.300	2.000
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.300	910	780
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			870	610	520
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.500	1.100	900
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.200	840	720
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã			780	550	470

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
50	Đường tỉnh 762	Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất		2.200	1.500	1.300
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.200	840	720
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			940	660	560
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			650	460	390
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.100	770	660
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			850	600	510
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			590	410	350
57	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	1.800	1.300	1.100
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			830	580	500



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			690	480	410
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			480	340	290
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			750	530	450
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			620	430	370
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			430	300	260
64	Hương lộ 24	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	1.800	1.300	1.100
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			830	580	500
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			620	430	370
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			480	340	290
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			750	530	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			560	390	340
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			430	300	260
71	Đường Trường An - Tân Thành	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	1.700	1.200	1.000
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			890	620	530
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			620	430	370
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			480	340	290
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			800	560	480
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			560	390	340
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			430	300	260
78	Đường Tân Thành - Trường An	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	1.700	1.200	1.000
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			890	620	530

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			620	430	370
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			480	340	290
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			800	560	480
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			560	390	340
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			430	300	260
85	Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mờ	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Thống Nhất	1.700	1.200	1.000
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mờ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			830	580	500
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mờ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			690	480	410
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mờ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			480	340	290
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mờ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			750	530	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			620	430	370
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			430	300	260
92	Đường 3/2	Đường tỉnh 762	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	1.200	840	720
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			850	600	510
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			580	410	350
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			410	290	250
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			770	540	460
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			520	360	310
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			370	260	220
99	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Đường 19 tháng 5	2.200	1.500	1.300
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.100	770	660

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.					
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			890	620	530
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			620	430	370
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			990	690	590
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			800	560	480
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			560	390	340
106	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Đường 19 tháng 5	Giáp ranh xã Dầu Giây	2.100	1.500	1.300
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			1.100	770	660
108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			850	600	510
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			580	410	350
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			990	690	590

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
111	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			770	540	460
112	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			520	360	310
113	Đường 19 tháng 5	Đường tỉnh 762	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	1.700	1.200	1.000
114	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			830	580	500
115	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			690	480	410
116	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			480	340	290
117	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			750	530	450
118	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			620	430	370
119	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			430	300	260
120	Đường 30 tháng 4	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Đường tỉnh 762	1.700	1.200	1.000
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			830	580	500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			690	480	410
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			480	340	290
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			750	530	450
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			620	430	370
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			430	300	260
127	Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Gia Kiệm	1.700	1.200	1.000
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			830	580	500
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			620	430	370
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			410	290	250
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			750	530	450



TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			560	390	340
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			370	260	220
134	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường 19 tháng 5	2.100	1.500	1.300
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			960	670	580
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			760	530	460
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			550	390	330
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			860	600	520
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			680	480	410
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			500	350	300